

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2023/DS-PT

Ngày: 04 - 8 - 2023

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung;

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Tú;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 143/2023/TLPT-DS ngày 14/6/2023, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐ-PT, ngày 03/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2023/QĐ-PT ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng L; sinh năm 1954 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Cao Thị T1, sinh năm 1974 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1988 – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 14 Châu Giang 1, quận N, thành phố Đ.

3.4. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1969 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị P: Bà Cao Thị T1 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

3.5. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1992 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6./ Bà Phạm Thị Huệ, sinh năm 1989 – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Gia đình bà L có 02 thửa đất nằm trong quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 818984, có tổng diện tích 2.676m², do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2002 cho Hộ Nguyễn Văn T3 (ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1950, đã chết vào ngày 14/3/2015), địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13, diện tích 556m² không có tranh chấp với ai.

Còn thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, diện tích 2120m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất của ông Phạm Văn T; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Xuân Tể; Phía Bắc giáp thửa đất số 35 của gia đình bà L; Phía Nam tiếp giáp đường liên thôn.

Sau khi chồng bà L chết, gia đình bà L chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế, hộ ông Nguyễn Văn T3 ngoài bà L ra thì còn các thành viên là các con trong hộ gồm bà Nguyễn Thị T2; ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn G. Hiện

nay các con bà L đều cho rằng thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng bà L và không có bất kỳ tranh chấp hay ý kiến gì.

Từ khi gia đình bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 thì cạnh phía Đông của thửa đất 49, giáp đất ông T là một đường thẳng có hàng rào là cây râm bụt. Nguyên thủy, gia đình bà L có xây một chân móng lò sấy vào năm 2004 trên thửa đất số 49, nhưng không xây sát hàng rào cây râm bụt mà vẫn chừa lại một khoảng đất trống, chiều dài chân móng lò sấy là 20.51 mét, chạy song song và xéo sang phần đất của bà L, điểm đầu chân móng lò sấy (hướng Nam) cách ranh giới đất nhà ông T là 0.16 mét, điểm cuối chân móng là sấy (hướng Bắc) cách ranh giới đất nhà ông T là 02 mét. Sau này gia đình bà L không còn sử dụng nữa, vào khoảng năm 2012 ông T tự ý phá bỏ hàng rào cây râm bụt này đi và tự ý chôn trụ bê tông cao khoảng 1,2 mét và kéo lưới B40 lên móng lò sấy của gia đình bà L, cố tình làm hàng rào và đổ đất lấn qua đất nhà bà L. Tính từ cột mốc giáp đường đi đến cột mốc giáp bờ ao, lấn qua đất nhà bà L khoảng 0,2 mét (ở 02 đầu) và lấn dần đến giữa vườn của bà L khoảng 2,2 mét tạo thành hình vòng cung, làm cho đường ranh giới thửa đất của nhà bà L và ông T không còn là đường thẳng nữa như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nữa. Gia đình bà L đã rất nhiều lần yêu cầu ông T kéo dây để rào lại hàng rào, nhưng ông T không chịu hợp tác.

Do không thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp với nhau được nên bà L đã làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đến UBND xã Ea Kly, thì đến ngày 09/6/2022, UBND xã có tiến hành hòa giải và lập Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà L và ông T. Theo Biên bản này thì sau khi kiểm tra hồ sơ đất của hai gia đình: Bản đồ đo đạc năm 2002 thì ranh giới hai gia đình là một đường thẳng trên đường lớn của thôn 15, đi xuống đến ruộng lúa của ông Nguyễn Đình D; Năm 2020 dự án đo đạc tổng thể đo đạc ranh giới hai thửa đất liền kề cũng là một đường thẳng từ trên đường lớn của thôn 15, đi xuống đến hết phần thửa đất 49.

Hội đồng hòa giải đề nghị, hai gia đình cắm mốc, từ trên đường lớn của thôn 15, đi xuống đến hết phần thửa đất 49 tờ 13, là một đường thẳng, nhưng ông T không đồng ý.

Do đó, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông Phạm Văn T phải tháo dỡ cột mốc và hàng rào lưới B40 trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 91.2 m² cho bà L. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn - CN Đắc Lắc về đo đạc và xác định diện tích đất tranh chấp là 109.0 m² và bà L biết chính xác diện tích đất trên là do ông Phạm Văn T cùng vợ ông T là bà Vũ Thị P trong quá trình sử dụng đất đã lấn chiếm đất của bà L nên bà L thay đổi nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn T và vợ là bà Vũ Thị P phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại đất lấn chiếm cho bà Phạm Thị Hồng Lý theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn - CN

Đất Lắc với diện tích 109.0 m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà ông Phạm Văn T cạnh dài 74,78 mét; Phía Tây giáp phần đất còn lại của gia đình bà L là một đường vòng cung có tổng chiều dài 74,97 mét; Phía Nam giáp đường liên thôn cạnh dài 0,16 mét; Phía Bắc giáp ranh giới thửa đất số 35 của gia đình bà L và thửa đất số 36 của ông T là một điểm nên không có chiều dài.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T, và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Cao Thị T1 trình bày:*

Ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị P là vợ chồng, có hai con tên là Phạm Văn H và Phạm Thị Huệ. Gia đình ông bà bắt đầu vào sinh sống tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1987, thời điểm ông T, bà P vào sinh sống thì đã có gia đình bà L vào ở trước phía bên hướng Đông của thửa đất 48.

Lúc ông T, bà P vào ở tại thửa đất số 48 thì ranh giới đất nhà ông T, bà P và ranh giới đất gia đình bà L đã có hàng rào do gia đình bà L vào ở trước và trồng (hiện nay hàng rào vẫn đang còn tồn tại, gần đây anh Ba con bà L đã chặt bỏ hàng rào). Quá trình sử dụng đất thì gia đình bà L đã xây 01 đoạn bức tường lô sây dài khoảng 20 mét từ mặt đường xuống, hiện nay chân móng lô sây vẫn đang còn và nó nằm giữa hai thửa đất, cách ranh giới đất giữa hai nhà khoảng 20 cm. Sau khi gia đình bà L xây chân móng lô sây thì ông T, bà P có xin ông Tĩnh (con bà L nay đã chết) cho gia đình ông T, bà P cắm cọc sắt và căng lưới B40 lên để nuôi gia súc, gia cầm khỏi bị mất trộm. Do đất nhà ông T, bà P thấp hơn nên gần đây ông T, bà P có đắp đất cho cao lên, chân móng lô sây do gia đình bà L làm thì vẫn còn nguyên (ranh giới đất của hai nhà cách chân móng lô sây do gia đình bà L làm khoảng tầm 20 cm), phần còn lại ranh giới đất hai nhà từ bức tường chân móng lô sây kéo xuống ao là hàng rào do gia đình bà L trồng từ lúc trước năm 1987, kéo xuống cho tới bụi tre. Gia đình ông T, bà P sinh sống ổn định từ năm 1987 cho đến nay hoàn toàn không lấn chiếm đất gia đình bà L (ranh giới đất của hai nhà là hàng rào hình vòng cung đã tồn tại từ trước năm 1987 từ lúc nhà bà L vào ở trước, gia đình ông T, bà P vào ở sau không đụng chạm vào hàng rào do gia đình bà L trồng). Lý do thửa đất ông T, bà P được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thẳng từ trước ra sau, không giống với hiện trạng sử dụng đất hiện nay là do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ông T, bà P sử dụng đất bên này bờ rào hoàn toàn không lấn đất nhà bà L.

Nay bà L khởi kiện cho rằng ông T, bà P lấn đất là không có căn cứ đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà L.

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P trình bày:* Bà có cùng quan điểm với bị đơn ông Phạm Văn T. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà L.

**/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Chúng tôi là con bà Phạm Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T3 (bố chúng tôi chết năm 2015). Thửa đất số 35 và số 49 tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 818984 được Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn T3 vào ngày 04/12/2002. Thửa đất trên sau khi bố tôi ông Nguyễn Văn T3 chết thì chưa chia thừa kế theo quy định pháp luật, đất đang do mẹ tôi là bà Phạm Thị Hồng L quản lý sử dụng, quá trình sử dụng đất thì bị ông T và bà P lấn chiếm đất.

Nay bà Phạm Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn T và vợ là bà Vũ Thị P phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại đất lấn chiếm, thì chúng tôi có cùng quan điểm như bà L, để ranh giới đất của nhà chúng tôi và đất nhà ông T được thẳng giống như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hai gia đình.

**/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Huệ trình bày:* Chúng tôi là con của ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị P chúng tôi có cùng quan điểm như bố mẹ tôi. Hàng rào này do gia đình nhà bà L làm và đã tồn tại từ năm 1987 cho đến nay, gia đình tôi không làm thay đổi hàng rào ranh giới đất của hai nhà, đề nghị Tòa án giữ nguyên ranh giới như hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình hiện nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 158; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại đất lấn chiếm cho bà Phạm Thị Hồng Lý theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn - CN Đắk Lắk với diện tích 109.0 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà ông Phạm Văn T cạnh dài 74,78 mét.

Phía Tây giáp phần đất còn lại của gia đình bà Lý là một đường vòng cung có tổng chiều dài 74,97 mét.

Phía Nam giáp đường liên thôn cạnh dài 0,16 mét.

Phía Bắc giáp ranh giới thửa đất số 35 của gia đình bà Lý và thửa đất số 36 của ông T là một điểm nên không có chiều dài.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2023 bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của ông bà và không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P là không có căn cứ, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Vũ Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc các thửa đất: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, diện tích

1805m² do hộ ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng và thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, diện tích 2120m² do hộ ông Nguyễn Văn T3 (vợ là bà Phạm Thị Hồng L) quản lý, sử dụng có nguồn gốc do Công ty cà phê 720 bàn giao cho địa phương quản lý, đến năm 2002 thì UBND huyện Krông Pắc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình. Theo xác nhận của chính quyền địa phương và các bên đương sự đều thừa nhận hộ gia đình bà L vào sinh sống tại thửa đất trước hộ gia đình ông T, ranh giới giữa hai thửa đất là hàng rào cây râm bụt nhưng hiện nay hàng cây không còn nguyên vẹn, đã bị xô đổ, bị chặt bỏ còn gốc, một số đoạn không có cây râm bụt mà chỉ có móng đổ bê tông được cắm lên chân móng lò sấy để rào lưới B40 hiện cũng đã bị tháo dỡ (Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2023, bút lục 65).

[2.2] Về ranh giới hai thửa đất:

- UBND huyện Krông Pắc xác định khi Công ty cà phê 720 giao đất về cho địa phương quản lý thì công ty đã tiến hành đo đạc, đến năm 2002 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình. Ranh giới giữa thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13 của hộ ông Phạm Văn T và thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13 của hộ ông bà Phạm Thị Hồng L là một đường thẳng từ trên đường lớn của thôn 15 đi xuống đến ruộng lúa của ông Nguyễn Đình D. Năm 2020, dự án đo đạc tổng thể đo đạc ranh giới hai thửa đất liền kề vẫn là một đường thẳng từ trên đường lớn của thôn 15 đi xuống đến hết phần đất của thửa đất số 49. Như vậy, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002, bản đồ đo đạc năm 2020 và giấy chứng nhận QSD đất hộ ông T, hộ bà L đã được cấp thì ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng kéo dài từ đường lớn của thôn 15 đi xuống đến ruộng lúa của ông Nguyễn Đình D.

Kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn – CN Đắc Lắc thể hiện: Phần đất tranh chấp có diện tích 109m².

Theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 818984 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 04/12/2002 cho hộ bà L đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.120m², nhưng thực tế hiện nay hộ gia đình bà L đang quản lý sử dụng diện tích đất 1999,7m².

Theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 818980 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông T đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.805m², nhưng thực tế hiện nay hộ gia đình ông T đang quản lý sử dụng diện tích đất 1945.1m², bao gồm cả phần diện tích 109m² đất đang tranh chấp.

Như vậy, diện tích đất gia đình bà L đang quản lý, sử dụng so với diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất đã được cấp thiếu 120,3m². Diện tích đất gia đình ông T đang quản lý, sử dụng so với diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất đã được cấp dư 31,1m² (sau khi đã trừ phần diện tích đất tranh chấp 109m²).

Trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm ông T, bà P cho rằng ranh giới thửa đất trong giấy chứng nhận QSD đất gia đình ông được cấp không giống

với hiện trạng sử dụng đất hiện nay là do lỗi trong quá trình cấp giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chứ thực trạng đất gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay. HĐXX xét thấy: Giấy chứng nhận QSD đất của gia đình ông T được cấp từ năm 2002, từ khi nhận được giấy chứng nhận đến nay gia đình ông không có ý kiến gì. Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề. Năm 2020 cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình tại địa phương, gia đình ông T không có ý kiến gì cho đến nay. Vì vậy, ý kiến của ông T, bà P không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P.

Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc kỹ thuật bằng máy đối với các thửa đất tranh chấp, tổng số tiền 8.200.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST, ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 163, Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại đất lần chiếm cho bà Phạm Thị Hồng Lý theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn - CN Đắc Lắc với diện tích 109.0 m² có tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà ông Phạm Văn T cạnh dài 74,78 mét.

Phía Tây giáp phần đất còn lại của gia đình bà Lý là một đường vòng cung có tổng chiều dài 74,97 mét.

Phía Nam giáp đường liên thôn cạnh dài 0,16 mét.

Phía Bắc giáp ranh giới thửa đất số 35 của gia đình bà Lý và thửa đất số 36 của ông T là một điểm nên không có chiều dài.

2. Về chi phí trích đo địa chính thửa đất, thẩm định.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu 8.200.000 đồng (*tám triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.200.000 đồng, sau khi thu được từ ông ông Phạm Văn T.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0017065 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. (Do bà Vũ Thị P nộp thay).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0017060 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. (Do bà Cao Thị T1 nộp thay).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung